

Bản án số: 280/2023/HNGĐ - ST.

Ngày: 09-3-2023.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Mai.

2. Bà Trần Thị Bích Thuận.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Gia Hưng, Thư ký Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy An, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1354/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm: 1983 ; Địa chỉ: đường B, xã T, huyện T, tỉnh B; (Xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Trần Thị Lan A, sinh năm: 1983 ; Địa chỉ: đường P, Phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện ngày 05/9/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn H trình bày: Ông và bà A tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh N. Quá trình sống chung giữa ông và bà A phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm. Ông mong muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống. Về con chung: Có ba con chung tên Phạm Thế M, sinh ngày 10/10/2005, Phạm Thị Ngọc L, sinh ngày 15/3/2011 và Phạm Thị Tú T, sinh

ngày 21/4/2013. Bà A nuôi dưỡng ba con chung, ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000 đồng cho ba trẻ. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà A trình bày: Bà thừa nhận mối quan hệ hôn nhân, con chung như ông H trình bày. Bà và ông H đã không sống chung với nhau từ năm 2013 cho đến nay. Từ khi không sống chung với nhau đến nay ông H không cấp dưỡng nuôi con phụ bà. Bà không đồng ý ký đơn ly hôn vì mong muốn ông H có trách nhiệm nuôi con và cùng bà giải quyết những khoản nợ trong quá trình sống chung trước đây. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng ba con chung và ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 15.000.000 đồng cho ba trẻ. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông H xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Con chung bà A nuôi dưỡng, hiện nay ông làm tự do lương không ổn định chỉ có khả năng chu cấp cho con mỗi tháng 6.000.000 đồng cho ba trẻ. Bà A xin vắng mặt tại phiên tòa và vẫn giữ nguyên ý kiến như ban đầu

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 và quy định về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70,71,72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Phạm Văn H tự nguyện kết hôn với bà Trần Thị Lan A năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh N theo giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 14/7/2005. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 điều chỉnh. Nay, ông H yêu cầu được ly hôn với bà A, bà A đang cư trú tại quận Gò Vấp nên yêu cầu của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của ông H cho thấy trong quá trình sống chung giữa ông và bà A không có sự tôn trọng lẫn nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Hai bên đã có cuộc sống riêng từ năm 2013 đến nay và đây là lần thứ ba ông H nộp đơn xin ly hôn cho thấy cuộc sống giữa hai bên có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

[3] Về con chung: Hai con chung Ngọc L và Tú T đang được bà A nuôi dưỡng. Cháu Phạm Thế M có nguyện vọng ở cùng mẹ. Ông H không tranh chấp việc nuôi con. Do đó việc để bà A nuôi dưỡng con chung là phù hợp. Bà A yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 15.000.000 đồng/ tháng nhưng không có chứng cứ gì chứng minh. Theo giấy xác nhận ngày 8/02/2023 thì mức lương công nhân ông H đang nhận là 6.700.000 đồng/ tháng, do đó việc ông cấp dưỡng 6.000.000 đồng/ tháng cho ba trẻ là có cơ sở.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn, ông H chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 85, 86 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H

Về quan hệ vợ chồng: Ông Phạm Văn H được ly hôn với bà Trần Thị Lan A, (Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 14/7/2005 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh N cấp cho ông Phạm Văn H và bà Trần Thị Lan A không còn hiệu lực).

Về con chung: Bà A trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Thế M, sinh ngày 10/10/2005, Phạm Thị Ngọc L, sinh ngày 15/3/2011 và Phạm Thị Tú T, sinh ngày 21/4/2013 cho đến tuổi trưởng thành. Ông H cấp dưỡng nuôi con chung là 6.000.000 đồng/ tháng cho ba trẻ (mỗi trẻ 2.000.000 đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bắt đầu thực hiện khi quyết định có hiệu lực pháp luật, việc giao nhận tiền cấp dưỡng do hai bên tự thỏa thuận hoặc được thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi bà A có đơn yêu cầu thi hành án, ông H chưa thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng ông H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H có quyền thăm nom con, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết

định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con; Yêu cầu hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông H chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2021/0049227 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H còn phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
- Viện kiểm sát Q. Gò Vấp;
- Chi cục thi hành án dân sự Q. Gò Vấp;
- Ủy ban nhân dân xã N;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Bảo Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

